

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm Y tế Ayun Pa

Mã số QHSDNS:1086812

Chương 423

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTUP ngày / 10 /2025 của Giám Đốc TTYT Ayun Pa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	TC NKP	Tổng cộng	Trung tâm Y tế Ayun Pa					
	Loại			130	130	130	130	130	160
	Khoản			131	132	139	139-10473	151	171-10476
	Mã CTMT, Dự án					014		014	024
	Mã loại dự toán					Bổ sung			
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí								
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước								
I	Chi hành chính nhà nước								
II	Chi sự nghiệp kinh tế								
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.150.000	0	0	0	0	0	0	9.150.000
2.1	Dự toán được giao	9.150.000	0	0	0	0	0	0	9.150.000
a	KP thực hiện tự chủ tài chính	0							
b	KP không thực hiện tự chủ tài chính	9.150.000	0	0	0	0	0	0	9.150.000
	+Phân bổ vốn sự nghiệp CTMT quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi	12	9.150.000	0	0	0	0	0	9.150.000
	++Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Nguồn địa phương) - 20517	12	9.150.000						9.150.000
2.2	Dự toán bị khấu trừ	0	0	0	0	0	0	0	0
2.3	Dự toán đơn vị được rút tại KBNN	9.150.000	0	0	0	0	0	0	9.150.000
a	KP thực hiện tự chủ tài chính	0							
b	KP không thực hiện tự chủ tài chính	9.150.000	0	0	0	0	0	0	9.150.000
	+Phân bổ vốn sự nghiệp CTMT quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi	12	9.150.000	0	0	0	0	0	9.150.000
	++Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Nguồn địa phương) - 20517	12	9.150.000						9.150.000
III	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình								
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
1.1	Dự toán được giao	7.033.088.282	1.981.690.562	3.926.424.424	0	0	1.124.973.296	0	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.033.088.282	1.981.690.562	3.926.424.424	0	0	1.124.973.296	0	0

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm Y tế Ayun Pa

Mã số QHSDNS:1086812

Chương 423

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTUP ngày / 10 /2025 của Giám Đốc TTYT Ayun Pa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	TC NKP	Tổng cộng	Trung tâm Y tế Ayun Pa					
Loại			130	130	130	130	130	160	280
Khoản			131	132	139	139-10473	151	171-10476	338-20517
	Lương, chi TX BV		714.401.411	714.401.411					
	Lương, chi TX YTX	13	3.212.023.013	3.212.023.013					
	Lương, chi TX Dự phòng	13	1.981.690.562	1.981.690.562					
	Lương, chi TX Dân số	13	1.124.973.296				1.124.973.296		
b	KP không thực hiện tự chủ tài chính		0						
1.2	Dự toán bị khấu trừ		142.911.878	76.000.000	0	0	32.911.878	0	0
a	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	13	134.000.000	34.000.000	76.000.000		24.000.000		
c	Kinh phí đã thu rút	13	8.911.878				8.911.878		
1.3	Dự toán đơn vị được rút tại KBNN		6.890.176.404	1.947.690.562	3.850.424.424	0	1.092.061.418	0	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		6.890.176.404	1.947.690.562	3.850.424.424	0	1.092.061.418	0	0
	- Kinh phí thực hiện chi tiền lương và hoạt động thường xuyên		6.890.176.404	1.947.690.562	3.850.424.424	0	1.092.061.418	0	0
	Lương, chi TX BV		714.401.411	714.401.411					
	Lương, chi TX YTX	13	3.136.023.013	3.136.023.013					
	Lương, chi TX Dự phòng	13	1.947.690.562	1.947.690.562					
	Lương, chi TX Dân số	13	1.092.061.418				1.092.061.418		
b	KP không thực hiện tự chủ tài chính		0						
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.681.765.000	498.693.000	1.692.000.000	217.100.000	7.516.000	266.456.000	0
2.1	Dự toán được giao		2.681.765.000	498.693.000	1.692.000.000	217.100.000	7.516.000	266.456.000	0
a	KP thực hiện tự chủ tài chính		0						
b	KP không thực hiện tự chủ tài chính		2.681.765.000	498.693.000	1.692.000.000	217.100.000	7.516.000	266.456.000	0
	- Quỹ tiền thưởng	18	1.920.000.000	120.000.000	1.692.000.000			108.000.000	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn ngành	12	430.209.000	378.693.000	0	44.000.000	7.516.000	0	0
	+ Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện CTMT quốc gia giảm nghèo bền vững	12	7.516.000	0	0	0	7.516.000	0	0
	++Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Nguồn TW)	12	7.516.000				7.516.000		
	+ Duy trì và nâng cao kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh:	12	378.693.000	378.693.000					

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm Y tế Ayun Pa

Mã số QHSDNS:1086812

Chương 423

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTUP ngày / 10 /2025 của Giám Đốc TTYT Ayun Pa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	TC NKP	Tổng cộng	Trung tâm Y tế Ayun Pa						
Loại				130	130	130	130	130	160	280
Khoản				131	132	139	139-10473	151	171-10476	338-20517
	+ Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; Chương trình truyền thông dân số; Chương trình chiến lược dân số;	12	44.000.000			44.000.000				
	- Các chế độ, chính sách ngành y tế	12	331.556.000	0	0	173.100.000	0	158.456.000	0	0
	+ Hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số hộ nghèo sinh con đúng chính sách dân số	12	10.000.000					10.000.000		
	+ Cộng tác viên dân số	12	148.456.000					148.456.000		
	+ Kinh phí thực hiện Nghị quyết quy định chính sách đãi ngộ, thu hút và đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030	12	173.100.000			173.100.000				
2.2	Dự toán bị khấu trừ		680.000.000	0	680.000.000	0	0	0	0	0
a	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo	12	680.000.000		680.000.000					
b	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm		0							
c	KP thu rút từ các năm trước		0							
2.3	Dự toán đơn vị được rút tại KBNN		2.681.765.000	498.693.000	1.692.000.000	217.100.000	7.516.000	266.456.000	0	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	0	0	0	0	0	0	0
b	KP không thực hiện tự chủ tài chính		2.681.765.000	498.693.000	1.692.000.000	217.100.000	7.516.000	266.456.000	0	0
	- Quỹ tiền thưởng	18	1.920.000.000	120.000.000	1.692.000.000			108.000.000		
	- Mua sắm, sửa chữa ngành y tế	12	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn ngành	12	430.209.000	378.693.000	0	44.000.000	7.516.000	0	0	0
	+ Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện CTMT quốc gia giảm nghèo bền vững	12	7.516.000	0	0	0	7.516.000	0	0	0
	++Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Nguồn TW)	12	7.516.000				7.516.000			

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm Y tế Ayun Pa

Mã số QHSDNS:1086812

Chương 423

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTUP ngày / 10 /2025 của Giám Đốc TTYT Ayun Pa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	TC NKP	Tổng cộng	Trung tâm Y tế Ayun Pa						
Loại				130	130	130	130	130	160	280
Khoản				131	132	139	139-10473	151	171-10476	338-20517
	+ Duy trì và nâng cao kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh:	12	378.693.000	378.693.000						
	+ Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; Chương trình truyền thông dân số; Chương trình chiến lược dân số	12	44.000.000			44.000.000				
	- Các chế độ, chính sách ngành y tế	12	331.556.000	0	0	173.100.000	0	158.456.000	0	0
	+ Hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số hộ nghèo sinh con đúng chính sách dân số	12	10.000.000					10.000.000		
	+ Cộng tác viên dân số	12	148.456.000					148.456.000		
	+ Kinh phí thực hiện Nghị quyết quy định chính sách đãi ngộ, thu hút và đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030	12	173.100.000			173.100.000				
IV	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin		3.000.000	0	0	0	0	0	3.000.000	0
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	0	0	0	0	0	0	0
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		3.000.000	0	0	0	0	0	3.000.000	0
2.1	Dự toán được giao		3.000.000	0	0	0	0	0	3.000.000	0
a	KP thực hiện tự chủ tài chính		0							
b	KP không thực hiện tự chủ tài chính		3.000.000	0	0	0	0	0	3.000.000	0
	+ CTMTQG Giảm nghèo bền vững - Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin - nguồn Trung ương	12	3.000.000						3.000.000	
2.2	Dự toán bị khấu trừ		0	0	0	0	0	0	0	0
c	KP thu rút từ các năm trước		0					0		
2.3	Dự toán đơn vị được rút tại KBNN		3.000.000	0	0	0	0	0	3.000.000	0
a	KP thực hiện tự chủ tài chính		0							
b	KP không thực hiện tự chủ tài chính		3.000.000	0	0	0	0	0	3.000.000	0
	+ CTMTQG Giảm nghèo bền vững - Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin - nguồn Trung ương	12	3.000.000						3.000.000	
Phòng Giao dịch thuộc Kho bạc Nhà nước khu vực nơi đơn vị sử dụng NS giao dịch			Mã PGD 2030 - Phòng giao dịch số 11- KBNN Khu vực XV							

